

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.08.28

Group B-12
Round 6
Board 7

WHITE Wening Banyu Wiguno						FED INA		R12 (W)			
BLACK Anand Tsogtbileg						FED MGL		R12 (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	h3	Bf5	41			61		
2	c4	Nc6	22	c5	Nf7	42			62		
3	Nc3	e5	23	g4	Bc8	43			63		
4	g3	g6	24	cd	Bc5	44			64		
5	Bg2	Bg7	25	Nc6	Nd6	45			65		
6	Nge2	Nge7	26	Nf6	Bc6	46			66		
7	O-o	O-o	27	Nc6	Bf7	47			67		
8	f4	d6	28	Rf7	O-O	48			68		
9	d3	h6	29	Nc5	Rc8	49			69		
10	Bc3	f5	30	Bd5	Bf6	50			70		
11	Qd2	Kh7	31	Qc2	b6	51			71		
12	Rd4	Bb6	32	Nc4	Bg5	52			72		
13	Qc3	fe	33	Bc6	Rf8	53			73		
14	Nc4	Rf5	34	Rf8	Qc3	54			74		
15	Bf2	Qc5	35	Qf1	Qf1	55			75		
16	fe	Nc5	36			56			76		
17	Rf4	Bc8	37			57			77		
18	b4	Qc6	38			58			78		
19	Qc6	Nd4	39			59			79		
20	Bd4	cd	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Blume			Anand			Cabr					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 16 Aug 2026

Group B-12
Round 6
Board 1

WHITE Wening, Banyu Wiguno						FED INA		RESULT (W) 1/2			
BLACK Anand, Tsogtbileg						FED MGL		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	h3	Bf5	41			61		
2	c4	Nc6	22	c5	Nf7	42			62		
3	Nc3	e5	23	g4	Bc8	43			63		
4	g3	g6	24	Cxd6	Be5	44			64		
5	Bg2	Bg7	25	Nc5	Nxd6	45			65		
6	Nge2	Nge7	26	Nf6	Bxc6	46			66		
7	O-O	O-O	27	Nx6	Rxf1	47			67		
8	f4	d6	28	Rxf1	Qe7	48			68		
9	d3	h6	29	Nc5	Re8	49			69		
10	Be3	f5	30	Bd5	Bf6	50			70		
11	Qd2	Kh7	31	Qg2	b6	51			71		
12	Rd1	Be6	32	Nc4	Bg5	52			72		
13	Q3	fxc4	33	Bc6	Rf8	53			73		
14	Nxc4	Nf5	34	Rxf8	Gxf8	54			74		
15	Bf2	Q5	35	Qf1	Oxf1	55			75		
16	fxes	Nxes	36			56			76		
17	Nf4	Bc8	37			57			77		
18	b4	axb4	38			58			78		
19	axb4	Nd4	39			59			79		
20	Bxd4	Cxd4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026-08-28 Board 2

Group B/2
Round 6

WHITE Enkhzulga, Erdenebat				FED MGL				RESULT (W) 0			
BLACK Xu Jizhi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	de	Ne5	41	Kpge	Re5	61		
2	Bc4	Nf6	22	Ne5	Qe5	42	Re5	Qg4	62		
3	e3	c5	23	Bc3	Bf3	43	Re4	Qg6	63		
4	Nf3	Nc6	24	Qp3	R1oc8	44	P4	Rc8	64		
5	Be2	Bf5	25	h4	Rc6	45	Rel	Rc2	65		
6	O-O	e6	26	Re1	Qb2	46	Re8	Kp47	66		
7	Nc2	Bd6	27	Qh5	Rf6	47	Kp3	Rc2	67		
8	Bd6	Qd6	28	Qe2	Qb4	48	Rel	g4	68		
9	c4	cd	29	g3	Re6	49	b4	R5	69		
10	Nd4	Nd4	30	Qd1	Rc6	50	Qc6	Kp4	70		
11	ed	O-O	31	Qb3	Qa5	51	g4	d4	71		
12	c5	Qe7	32	Re7	Rc5	52	g5	b3	72		
13	Nf3	Nd7	33	Rccl	Qb7	53	q6	ab	73		
14	Qb3	Ra18	34	Qp3	Rf6	54	Rd1	Qe7	74		
15	Rfcl	Bd4	35	h5	Qc6	55	Kp4	Qc4	75		
16	Racl	Qp6	36	Qe3	d1	56	Kp3	h2	76		
17	Qa4	Rf68	37	24	Rh5	57	Rb2	Qc6	77		
18	Rfcl	ab	38	Qe4	Rd5	58	Kp4	2b2	78		
19	b4	Ng	39	Q4	b5	59			79		
20	Qb3	e5	40	Rf6	Qc8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Xu Jizhi				Cun			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026-08-28 Board 2

Group B/2
Round 6

WHITE Enkhzulga, Erdenebat				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Xu Jizhi				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	de	Ne5	41	Kpge	Re5	61		
2	Bc4	Nf6	22	Ne5	Qe5	42	Re5	Qg4	62		
3	e3	c5	23	Bc3	Bf3	43	Re4	Qg6	63		
4	Nf3	Nc6	24	Qp3	Rb6	44	f4	Rc8	64		
5	Be2	Bf5	25	h4	Rc6	45	Re2	Rc2	65		
6	O-O	e6	26	Qp1	Qb2	46	Rc8	Kh7	66		
7	Nd2	Bd6	27	Qh5	Rf6	47	Kf3	Re2	67		
8	Bd6	Qd6	28	Qe2	Qb4	48	Re2	a5	68		
9	c4	cd	29	g3	Re6	49	g4	b4	69		
10	Nd4	Nd4	30	Qd1	Rc6	50	f5	Qc6	70		
11	ed	O-O	31	Qb3	Qa5	51	Kf4	a4	71		
12	c5	Qe7	32	Re7	Rc5	52	g5	b3	72		
13	Nf3	Nd7	33	Rccl	Qb7	53	ab	ab	73		
14	Qb3	Ra18	34	Qp3	Rf6	54	Rd2	Qc7	74		
15	Rfcl	Bd4	35	h5	Qc6	55	Kc4	Qc4	75		
16	Racl	Qp6	36	Qe3	d1	56	Kc3	d4	76		
17	Qa4	Rf68	37	24	Rh5	57	24	Rh5	77		
18	Rfcl	ab	38	Qe4	Rd5	58	Qe4	Rd5	78		
19	b4	Ng	39	Q4	b5	59	Qg4	b5	79		
20	Qb3	e5	40	Rf6	Qc8	60	Rf6	Qc8	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Xu Jizhi				Cun			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



2026.8.26

Group B-12
Round 6
Board 3

WHITE <i>Wang Po Han</i>						FED TPE		RESULT (W) 0			
BLACK <i>Wang Xun He</i>						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	fxc5	dxc3	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qxh5	g6	42			62		
3	c4	exd4	23	Qf3	d4	43			63		
4	Nxd4	Bc5	24	Nd4	Bc7	44			64		
5	Be3	Qf6	25	Qf4	e2	45			65		
6	c3	Nge7	26	Kh1	d3	46			66		
7	Bc4	Bb6	27	Qh4	J3X05	47			67		
8	O-O	O-O	28	Qe1	Rfe8	48			68		
9	f4	Nxd4	29	Rb1	Rd4	49			69		
10	exd4	Qc6	30	Nd2	Rf4	50			70		
11	Bd3	c15	31	Kg2	Bc4	51			71		
12	e5	Nf5	32	Nf3	Bb7	52			72		
13	Bxf5	Bxf5	33	Qd2	Re3	53			73		
14	Nc3	Rad8	34	Ne5	Rf5	54			74		
15	h3	Qd6	35			55			75		
16	Kh2	h5	36			56			76		
17	Rg1	c5	37			57			77		
18	g4	cxdf	38			58			78		
19	gxf5	Qxf5	39			59			79		
20	Rg5	Qxg5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) <i>Wang Po Han</i>			SIGNATURE (BLACK) <i>Wang Xun He</i>			SIGNATURE (ARBITER) <i>Am</i>					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



8/26

Group U12
Round 6
Board 3

WHITE <i>Wang Po Han</i>						FED		RESULT (W) 0			
BLACK <i>Wang Xun He</i>						FED		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	fxc5	dxc3	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qxh5	g6	42			62		
3	d4	exd4	23	Qf3	d4	43			63		
4	Nxd4	Bc5	24	Nc4	Bc7	44			64		
5	Be3	Qf6	25	Qf4	e2	45			65		
6	c3	Nge7	26	Kh1	d3	46			66		
7	Bc4	Bb6	27	Qh4	Bc3	47			67		
8	O-O	O-O	28	Qe1	Rfe8	48			68		
9	f4	Nxd4	29	Rb1	Rd4	49			69		
10	exd4	Qc6	30	Nd2	Rf4	50			70		
11	Bd3	c15	31	Kg2	Bc4	51			71		
12	e5	Nf5	32	Nf3	Bb7	52			72		
13	Bxf5	Bxf5	33	Qd2	Re3	53			73		
14	Nc3	Rad8	34	Ne5	Rf5	54			74		
15	h3	Qd6	35			55			75		
16	Kh2	h5	36			56			76		
17	Rg1	c5	37			57			77		
18	g4	cxdf	38			58			78		
19	gxf5	Qxf5	39			59			79		
20	Rg5	Qxg5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) <i>Wang Po Han</i>			SIGNATURE (BLACK) <i>Wang Xun He</i>			SIGNATURE (ARBITER) <i>Am</i>					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

B12-6-4

11:17

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group
U12
Round
6
Board
1

WHITE Nardis Wisc Juchina						FED PHI		RESULT (W)			
BLACK Jiang Yichen Z						FED CHN		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	d	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	h1	h5	21	g3	g4	41			61		
2	Bf6	Nf6	22	Nc4	bxc3	42			62		
3	Nf3	g6	23	h3	g4	43			63		
4	c3	c5	24	Nf6	Ba8	44			64		
5	c3	Nc2	25	Rx13	Nc7	45			65		
6	Nf2	B3d6	26	Bg3	a4	46			66		
7	Nc5	Bxc5	27	Qd2	Qc6	47			67		
8	Jxc5	Nd7	28	F3	Nh3	48			68		
9	Nf3	h2	29	e4	Nb6	49			69		
10	B13	h5	30	Bf2	Nd7	50			70		
11	Bc2	g4	31	Nf4	Qc7	51			71		
12	Qc2	h5	32	Qh1	Bc6	52			72		
13	h3	g7	33	Nc5	Nxg8	53			73		
14	Rh1	Rh9	34	Rxg8	h7	54			74		
15	g1	c4	35	Rxf7	Kf8	55			75		
16	h1	Nf5	36	Qb4	h9	56			76		
17	o o	b1	37	h5		57			77		
18	h1	Bxc1	38			58			78		
19	Nd2	Nd3	39			59			79		
20	Bxh2	Qd3	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Jiang Yichen Z			Z					

B12-6-4

11:17

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group
B-2
Round
6
Board
4

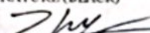
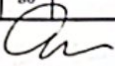
WHITE Jacqueline, Marcos Lomba						FED PHI		RESULT (W) 1			
BLACK Jiang Yichen Z						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qc3	Qd	41			61		
2	Bf4	Nf6	22	Nc4	b6	42			62		
3	Nf3	e6	23	b6	Qh4	43			63		
4	e3	c5	24	Nd6	Ba8	44			64		
5	c3	Nc6	25	Rd3	Nc7	45			65		
6	Nb2	Bd6	26	B3d6	Qa6	46			66		
7	Nc5	Bc5	27	Qd2	Qc6	47			67		
8	h2	Nd7	28	f5	Nh3	48			68		
9	Nf3	a6	29	c4	Nh6	49			69		
10	Qc3	h6	30	Bf2	Nd7	50			70		
11	Bc2	Qc7	31	Nc4	Qc7	51			71		
12	Qc2	b5	32	Rd1	Bc6	52			72		
13	h3	Bb7	33	Nc5	Nc5	53			73		
14	Rd1	Rd8	34	Nf8	Nb7	54			74		
15	Bb1	c4	35	Rf8	Rf8	55			75		
16	h4	Nc5	36	Qb4	Rf8	56			76		
17	Qd	b4	37	Qb6		57			77		
18	e4	d6	38			58			78		
19	Nd2	Nd3	39			59			79		
20	Bc2	Qd	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
						Jiang Yichen Z					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 08/26

Group U12B
Round 6
Board 5

WHITE						FED MAS		RESULT (W) 1/2			
BLACK						FED CHN		RESULT (B) 1/2			
Tee, Yuan Khai Eamonn											
Zhang, Hongya											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	kg1	Rf8	41			61		
2	Nf3	c6	22	h3	Qc3	42			62		
3	d4	cd	23	Kh1	Qc5	43			63		
4	Nd4	Nf6	24	Rd1	Qe3	44			64		
5	Nc3	Nc6	25	Re1	Qc5	45			65		
6	Nc6	bc	26	Recl	Qg5	46			66		
7	e5	Nd5	27	Rd1	Qc5	47			67		
8	Ne4	Qc7	28			48			68		
9	f4	Qb6	29			49			69		
10	Q4	Ne3	30			50			70		
11	Qd3	Bb4	31			51			71		
12	Bd2	Ba6	32			52			72		
13	Bb4	Qb4	33			53			73		
14	Kf2	Qb2	34			54			74		
15	Be2	Nc4	35			55			75		
16	Qa1	Ne5	36			56			76		
17	fe	Qe5	37			57			77		
18	Qa6	Qe4	38			58			78		
19	Rhd1	0-0	39			59			79		
20	Rf3	Qc2	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26/8/2026

Group U12B
Round 6
Board 5

WHITE Eamonn Tee Yuan Khai						FED MAS		RESULT (W) 1/2			
BLACK Zhang, Hongya						FED CHN		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Kg1	Rf8	41			61		
2	Nf3	e6	22	h3	Qc3	42			62		
3	d4	cd4	23	Kh1	Qc5	43			63		
4	Nxd4	Nf6	24	Rd1	Qe3	44			64		
5	Nc3	Nc6	25	Re1	Qc5	45			65		
6	Nxc6	bxc6	26	Recl	Qg5	46			66		
7	e5	Nd5	27	Rd1	Qc5	47			67		
8	Ne4	Qc7	28			48			68		
9	f4	Qb6	29			49			69		
10	c4	Ne3	30			50			70		
11	Qd3	Bb4	31			51			71		
12	Bd2	Ba6	32			52			72		
13	Bxb4	Qxb4	33			53			73		
14	Kf2	Qxb4	34			54			74		
15	Be2	Nxc4	35			55			75		
16	Ra1	Nxe5	36			56			76		
17	fxe5	Qxe5	37			57			77		
18	Qxa6	Qxe4	38			58			78		
19	Rhd1	O-O	39			59			79		
20	Bf3	Qc2	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) <i>Lee</i>			SIGNATURE (BLACK) <i>Zhang</i>			SIGNATURE (ARBITER) <i>Can</i>					



10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



WHITE Say, Hoi Wang Isaac											
BLACK Shan Yi ping											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rd4	Nb3	41	Kc5	Kc7	61		
2	d3	d5	22	Bb3	Bg2	42	Ke6	Kd8	62		
3	Nd2	c5	23	Kg2	Rd4	43	Kf7	Bd6	63		
4	Nf3	Nc6	24	Bd4	Qb7	44	Kg7	Ke7	64		
5	g3	Bd6	25	f3	Qd5	45	Kh7	Kf6	65		
6	Bg2	Nge7	26	Qe4	Qe4	46	b5	Be7	66		
7	c3	b6	27	fe	Rd8	47	e5	Kf7	67		
8	Qe2	Bab	28	Kf3	Kf8	48	h4	Bf8	68		
9	O-O	O-O	29	Rd1	Ke8	49	g4	Be7	69		
10	Rd1	Rc8	30	Ke2	g6	50	g5	a6	70		
11	Nf4	de	31	Bf6	Rd1	51	h5		71		
12	Qe4	Nd5	32	KRd1	Kd7	52			72		
13	Nb3	Nf6	33	Kd2	Kd6	53			73		
14	Qa4	Bb7	34	Kd3	Kc6	54			74		
15	d4	Qe7	35	Kd4	Bd6	55			75		
16	Nd4	Bb8	36	Bc5	Bc5	56			76		
17	Nc5	Nd5	37	Q4	f6	57			77		
18	Nd6	Bc6	38	Bb8	Kb7	58			78		
19	Qc2	Rd8	39	Bf4	e5	59			79		
20	Nb3	cd	40	Bc5	fe	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Shan Yi ping							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



WHITE Isaac Jay											
BLACK Shan Yi ping											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rxd4	Nxe3	41	Kxe5	Kc7	61		
2	d3	d5	22	Bxe3	Bxg2	42	Ke6	Kd8	62		
3	Nd2	c5	23	Kxg2	Rxd4	43	Kf7	Bd6	63		
4	Nf3	Nc6	24	Bxd4	Qb7	44	Kg7	Ke7	64		
5	g3	Bd6	25	f3	Qd5	45	Kxh7	Kf6	65		
6	Bg2	Nge7	26	Qe4	Qxe4	46	b4	Be7	66		
7	c3	b6	27	Fxe4	Rd8	47	e5	Kf7	67		
8	Qe2	Bab	28	Kf3	Kf8	48	h4	Bf8	68		
9	O-O	O-O	29	Rd1	Ke1	49	g4	Be7	69		
10	Rd1	Rc8	30	Ke2	g6	50	g5	a6	70		
11	Nf1	dxe4	31	Bf6	Rxd1	51	h5		71		
12	Qxe4	Nd5	32	Kxd1	Kd7	52			72		
13	Ne3	Nf6	33	Kd2	Kd6	53			73		
14	Qa4	Bb7	34	Kd3	Kc6	54			74		
15	d4	Qe7	35	Kd4	Bd6	55			75		
16	Ne4	Bb8	36	Be5	Be7	56			76		
17	Nf5	Nd5	37	a4	f6	57			77		
18	Nxc6	Bxc6	38	Bb8	Kb7	58			78		
19	Qc2	Rd8	39	Bf4	e5	59			79		
20	Ne3	cxtd4	40	Bxe5	Fxe5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Shan Yi ping							



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group U12
Round 6
Date 2026.8.26
Board 7

WHITE Jiang Tianbo						FED		RESULT (W) 0			
BLACK Shen Hanghui						FED		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	ba	fe	41	Kxd3	f2	61		
2	Nf3	d6	22	de	Rac8	42	f8=	Kxf8	62		
3	Bb5+	Bd7	23	f3	Rd2	43	Kd1	f1=	63		
4	Bxd7+	Qxd7	24	Rb1	Rf8	44	Kc3	Re3	64		
5	c4	Nf6	25	Kf1	Bf6	45	Kc2	Qd2+	65		
6	Nc3	Nc6	26	Bh6	Kf7	46	Kb1	Re1#	66		
7	O-O	e5	27	~~Qf5~~	~~Rd2~~	47			67		
8	Re1	g6	28	~~Rd2~~	~~Rd3~~	48			68		
9	d3	Bg7	29	~~Bd3~~	~~Rd3~~	49			69		
10	h3	O-O	30	~~Rd1~~	~~Rd2~~	50			70		
11	b3	Nc8	31	Rd1	Rd2	51			71		
12	Bb2	Nd7	32	h4	d3	52			72		
13	Nd5	Nd5	33	h9	kg6	53			73		
14	cb	Nd4	34	gf	Kxh6	54			74		
15	Nxg4	cd	35	Kd1	Rxg2	55			75		
16	Qd2	f5	36	f4	ef	56			76		
17	Qb4	a5	37	e5	Re1	57			77		
18	Qa4	a5	38	Kd1	Rxg3	58			78		
19	Qa3	b4	39	Kd2	f3	59			79		
20	Qx4	Qx4	40	f7	kg7	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Jiang Tianbo			SIGNATURE (BLACK) Shen Hanghui			SIGNATURE (ARBITER) Am					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group B2
Round 56
Date 8.26
Board 7

WHITE Jiang Tianbo						FED		RESULT (W) 0			
BLACK Shen Hanghui						FED		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	ba	fe	41	Kd3	f2	61		
2	Nf3	d6	22	de	Ra8	42	f8R	Kf8	62		
3	Bb5	Bd7	23	f3	Rd2	43	Kd4	f1R	63		
4	Rd7	Qd7	24	Rd1	Rf8	44	Kc3	Re3	64		
5	c4	Nf6	25	Kf1	Bf6	45	Kc2	Bd2	65		
6	Nc3	Nc6	26	Bh6	Kf7	46	Kb1	Re1#	66		
7	O-O	e5	27	Rd1	g5	47			67		
8	Rd1	g6	28	Rd2	Rd2	48			68		
9	d3	Bg7	29	h3	b3	49			69		
10	h3	O-O	30	Rd1	b2	50			70		
11	b3	Nc8	31	Rb2	Rb2	51			71		
12	Bb2	Nd7	32	h4	d3	52			72		
13	Nd5	Nd5	33	h9	Kg6	53			73		
14	cd	Nd4	34	g4	Kh6	54			74		
15	Nd4	cd	35	Kd1	Rg2	55			75		
16	Qd2	f5	36	f4	ef	56			76		
17	Qb4	a5	37	e5	Rd2	57			77		
18	Qa4	b5	38	Kd1	Rc5	58			78		
19	Qa3	b4	39	Kd2	f3	59			79		
20	Qa4	Qa4	40	f7	Kg7	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Jiang Tianbo			SIGNATURE (BLACK) Shen Hanghui			SIGNATURE (ARBITER) Am					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/16

Group B12
Round 6
Board 8

WHITE Chen, Jiaqi				FED				RESULT (W)			
BLACK Kanug Khant Ngi				FED				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bc5	Qc8	41			61		
2	c4	e6	22	Rac1	Kh7	42			62		
3	Nf3	Bb4	23	Bb3	Rd8	43			63		
4	Bd2	Be7	24	Qc7	Qc7	44			64		
5	Nc3	O-O	25	Rc7	Rc8	45			65		
6	e4	d6	26	Rd4	g4	46			66		
7	Be2	Nbd7	27	Rc8	Bc9	47			67		
8	O-O	e5	28	Rc7	Rd7	48			68		
9	Qc2	b6	29	Ra7	Rc8	49			69		
10	d5	Rc8	30	Kg2	g4	50			70		
11	b4	h6	31	g5	Mg1	51			71		
12	Nc1	Nf8	32	Ra6	Rc3	52			72		
13	f3	g5	33	Rd1	Rc2	53			73		
14	Re3	Ng6	34	Kb3	h5	54			74		
15	Nd3	Nf4	35	h4	Rg7	55			75		
16	c5	Nd3	36	Rh6	Rh4	56			76		
17	Bd3	dc	37	Mg1	h7	57			77		
18	bc	bc	38	Ra6	Rc3	58			78		
19	Nag	Rd7	39	Ra7	Rd4	59			79		
20	Nc5	Rc5	40	Rc2		60			80		
SIGNATURE (WHITE) Chen, Jiaqi				SIGNATURE (BLACK) K				SIGNATURE (ARBITER) Am			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/16

Group U12
Round 6
Board 8

WHITE Chen, Jiaqi				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Kang, Kaitai				FED MYA				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bc5	Qc8	41			61		
2	c4	e6	22	Rac1	Kh7	42			62		
3	Nf3	Bb4	23	Bb3	Qd8	43			63		
4	Bd2	Be7	24	Qc7	Qc7	44			64		
5	Nc3	O-O	25	Rc7	Rc8	45			65		
6	e4	d6	26	Rd4	Bc8	46			66		
7	Be2	Nbd7	27	Rc7	Rd7	47			67		
8	O-O	e5	28	Rc7	Rc8	48			68		
9	Qc2	b6	29	Ra7	Rc8	49			69		
10	d5	Rc8	30	Kg2	g4	50			70		
11	b4	h6	31	g5	Kg1	51			71		
12	Nc1	Nf8	32	Ra6	Rc3	52			72		
13	f3	g5	33	Rd1	Rc2	53			73		
14	Re3	Ng6	34	Kb3	h5	54			74		
15	Nd3	Nf4	35	h4	Rg7	55			75		
16	c5	Nd3	36	Rh6	Rh4	56			76		
17	Bd3	dc	37	Mg1	h7	57			77		
18	bc	bc	38	Ra6	Rc3	58			78		
19	Nag	Rd7	39	Ra7	Rd4	59			79		
20	Nc5	Rc5	40	Rc2		60			80		
SIGNATURE (WHITE) Chen, Jiaqi				SIGNATURE (BLACK) K				SIGNATURE (ARBITER) Am			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 2026.09.26

Group: U12
Round: 6
Board: 9

WHITE: Peng, Zihang (1754)				FED: CHN				RESULT (W)			
BLACK: Bao, Jieming (1600)				FED: KOR				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	d6	21	Qc2	Re3	41	Kd4	Ke6	61		
2	f4	Nf6	22	Bc3	Qc7	42	h4	h6	62		
3	Bd3	e5	23	B3	f5	43	b5	h	63		
4	c3	Nbd7	24	Qc3	Re4	44	h4	h7	64		
5	Nf3	Be7	25	Bd4	Re4	45	Kc5	Kc7	65		
6	O-O	O-O	26	Re4	Re4	46	Kc6	h6	66		
7	Nd4	C6	27	Re7	Qd4	47	h7	h5	67		
8	Nc4	Qc7	28	Rd1	Qd5	48	b6	h4	68		
9	Re1	b5	29	Kg2	f4	49	h7	h5	69		
10	Ne3	g6	30	Re1	Rd4	50	h8	h8	70		
11	Qd4	Bd7	31	Cd1	Qd0	51	Nd6	g5	71		
12	Qb	C6	32	Rd1	Qd5	52	h5	h5	72		
13	Bb5	Re4	33	Qd5	Qd5	53	h5	h5	73		
14	Bd7	Nd7	34	Re5	Be7	54	Qd4		74		
15	Le	Nes	35	g4	h7	55			75		
16	Nes	Le	36	Rd4	Ke6	56			76		
17	Nd5	Bd5	37	Qd4	h7	57			77		
18	Qd5	Rd8	38	h3	h4	58			78		
19	Qd5	Qd6	39	h4	h4	59			79		
20	Qd5	Rd6	40	h4	h4	60			80		
SIGNATURE (WHITE): Peng Zihang				SIGNATURE (BLACK): Bao Jieming				SIGNATURE (ARBITER):			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 2026.09.26

Group: U12
Round: 6
Board: 9

WHITE: Peng, Zihang				FED: CHN				RESULT (W)			
BLACK: Bao, Jieming				FED: KOR				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	d6	21	Qc2	Re3	41	Kd4	Ke6	61		
2	f4	Nf6	22	Bc3	Qc7	42	h4	h6	62		
3	Bd3	e5	23	B3	f5	43	b5	h	63		
4	c3	Nbd7	24	Qc3	Re4	44	h4	h7	64		
5	Nf3	Be7	25	Bd4	Re4	45	Kc5	Kc7	65		
6	O-O	O-O	26	Re4	Re4	46	Kc6	h6	66		
7	Nd4	C6	27	Re7	Qd4	47	h7	h5	67		
8	Nc4	Qc7	28	Rd1	Qd5	48	b6	h4	68		
9	Re1	b5	29	Kg2	f4	49	h7	h5	69		
10	Ne3	g6	30	Re1	Rd4	50	h8	h8	70		
11	Qd4	Bd7	31	Cd1	Qd0	51	Nd6	g5	71		
12	Qb	C6	32	Rd1	Qd5	52	h5	h5	72		
13	Bb5	Re4	33	Qd5	Qd5	53	h5	h5	73		
14	Bd7	Nd7	34	Re5	Be7	54	Qd4		74		
15	Le	Nes	35	g4	h7	55			75		
16	Nes	Le	36	Rd4	Ke6	56			76		
17	Nd5	Bd5	37	Qd4	h7	57			77		
18	Qd5	Rd8	38	h3	h4	58			78		
19	Qd5	Qd6	39	h4	h4	59			79		
20	Qd5	Rd6	40	h4	h4	60			80		
SIGNATURE (WHITE): Peng Zihang				SIGNATURE (BLACK): Bao Jieming				SIGNATURE (ARBITER):			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 26/8/26
Group: B-2
Round: 6
Board: 10

WHITE: Huang Xuan An						FED: VIE		Result (W)			
BLACK: Huang Yitong						FED: CHN		Result (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	xe1	vd7	41	4b	gt	61		
2	d4	d5	22	vd2	xe3	42	vd6	vd7	62		
3	ed	ed	23	xe3	00	43	b5	ab	63		
4	vd3	vd2	24	xe3	vd8	44	nb	mg6	64		
5	cd	td	25	vd2	vd7	45	vd6	vd8	65		
6	vd3	td	26	vd3	vd6	46	vd5	mg6	66		
7	0-0	mg8	27	vd3	vd7	47	vd6	vd8	67		
8	mgd2	vd7	28	td	td	48	bc	vd6	68		
9	xe1	vd3	29	td	td	49	vd6	vd8	69		
10	vd2	0-0	30	td	vd6	50	vd6	vd8	70		
11	td	td	31	mg5	mg6	51	vd6	vd8	71		
12	vd6	vd6	32	td	td	52	vd6	vd8	72		
13	td	td	33	td	td	53	td	td	73		
14	td	td	34	td	td	54	td	td	74		
15	td	td	35	td	td	55	td	td	75		
16	td	td	36	td	td	56	td	td	76		
17	td	td	37	td	td	57	td	td	77		
18	td	td	38	td	td	58	td	td	78		
19	td	td	39	td	td	59	td	td	79		
20	td	td	40	td	td	60	td	td	80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 26/8/26
Group: B-2
Round: 6
Board: 10

WHITE: Huang Xuan An						FED		RESULT (W)			
BLACK: Huang Xuan						FED		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Ra4	Kd7	41	F6	g7	61		
2	d4	d5	22	Nd2	Ne3	42	Nf6	Q7	62		
3	ed	ed	23	Re3	Re8	43	L5	ab	63		
4	Bd3	Nb6	24	Re8	Ke8	44	ab	Nd1	64		
5	c3	Bd6	25	Kd2	Kd7	45	Kf5	Nf2	65		
6	Nd3	Bd4	26	Kf3	Ke6	46	Ke5	Ng6	66		
7	0-0	Nd7	27	Ke3	Ne7	47	Kf5	Nf3	67		
8	Nd2	Kd7	28	Q4	f5	48	bc	Ke6	68		
9	Re1	f6	29	Nf3	f7	49	Ke5	Nd1	69		
10	Re2	0-0	30	h9	Kf6	50	Kc6	Nf4	70		
11	h3	Bd5	31	Nd5	Nd1	51	Kc5	Nd3	71		
12	Re6	Qe6	32	f4	b6	52	Kf5	b5	72		
13	Re6	Bf7	33	Ke4	Ne7	53	Ng4	b4	73		
14	Re1	Bd6	34	Nd7	Kf7	54			74		
15	Bd2	Nd1	35	f5	h5	55			75		
16	Nf1	Nf2	36	Kd4	h9	56			76		
17	Bf4	Bf4	37	Ne5	Ke3	57			77		
18	B3	Bd6	38	Ng4	Kd7	58			78		
19	Nb3	Re3	39	Kc5	c6	59			79		
20	Re3	Re8	40	a4	ab	60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Huang Xuan An						Huang Xuan		[Signature]			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26

Group B-12
Round 6
Board 11

WHITE Tian Qi bei												FED	RESULT (W)
BLACK Azbiling, Gansukh												FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	Nf3	Nf6	21	Re3	Rd8	41	Re3	Rg6	61	Kb2	Rt3		
2	d4	d6	22	Qd3	Rd6	42	Kc3	Rg4	62	Rh2	Kb4		
3	g3	Bf5	23	b4	Rd3	43	Ke2	Kd5	63	Rt7	c4		
4	c4	c6	24	a4	Qd8	44	Kd3	Ke5	64	Rh2	Kc5		
5	Bg2	h6	25	Qd2	b6	45	Kc3	f5	65	Rh2	b5		
6	Nf3	e6	26	b5	c5	46	Rd3	e2	66	Bd2	Rd3		
7	O-O	Nd5	27	d6	ed	47	Rd1	Rg3	67	Kg9	Kb4		
8	Bt4	Be7	28	cd	a6	48	Kc4	Kd5	68	Rd5	c5		
9	Nd2	O-O	29	Qd2	a5	49	Rd1	Rg4	69	Rd5	c5		
10	e4	de	30	Qc4	Qg5	50	Rh2	Rh4	70	Rh2	c7		
11	Ne4	Ne4	31	Kg2	Re7	51	Rg2	Rg4	71	Kc2	Sd2		
12	Ne4	Nf6	32	h4	Qf5	52	Rh2	Bh4	72	h1	Rh2		
13	Re1	Ne4	33	Re3	Rd7	53	Rh1	e3	73	Kc4	Ki3		
14	Be4	Be4	34	Rd3	h5	54	Kd3	Kd5	74				
15	Re4	Bt6	35	Rd2	Re7	55	Kc3	Re4	75				
16	Qd2	Qd7	36	Re3	Re3	56	Rg1	Kc4	76				
17	Rd1	Rd1	37	Re3	Rt6	57	Rg7	Kb5	77				
18	Be5	Be5	38	Qd3	Qd3	58	Kd2	h3	78				
19	Re5	Qc7	39	Rd3	Kf8	59	Ri7	h2	79				
20	Qe2	et	40	e4	Ke7	60	Kc3	Rd3	80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
Tian Qi bei				Azbiling				Cui					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.26

Group B12
Round 6
Board 11

07-26

11

WHITE Tian, Qibei						FED CHN		RESULT (W) 0			
BLACK G. Azbiling						FED MGL		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Re3	Rfd8	41	Re3	Rd6	61	Kb2	Rf3
2	d4	d5	22	Red3	Rd6	42	Kf3	Rg4	62	Rd2	Kb4
3	g3	Bf5	23	b4	Rd4	43	Ke2	Kd8	63	Ka1	c4
4	c4	c6	24	a4	Rd8	44	Kd3	Kd6	64	Rb2	Kc5
5	Ba2	h6	25	Qd2	b6	45	Ka3	f5	65	Rh2	b5
6	Na3	e6	26	b5	c5	46	Rd3	f5e4	66	Rd2	Ra3
7	O-O	Nbd4	27	d5	eod5	47	Re1	Rg3	67	Kb1	Kb4
8	Bf4	Be4	28	cnd5	a6	48	Kc4	Kd6	68	Rd5	Rd3
9	Nd2	O-O	29	Qa2	a5	49	Ra1	Rg4	69	Rh5	Ka4
10	e4	doe4	30	Qc4	Qa5	50	Ra2	Rd4	70	Rh2	c3
11	Nd2	Noe4	31	Kg2	Re4	51	Rg2	Rd4	71	Kc2	Rd2
12	Noe4	Nf6	32	h4	Qf5	52	Rh2	h4	72	Kb1	Rd2
13	Re1	Npe4	33	Re3	Red4	53	Rh1	e3	73	Kc1	Kb3
14	Bpe4	Bpe4	34	Red3	h5	54	Kd3	Kd5	74		
15	Roe4	Bf6	35	Rid2	Re4	55	Koe3	Roa4	75		
16	Rd2	Qd4	36	Re3	Roe3	56	Rg1	Kc4	76		
17	Rd1	Rad8	37	f5e3	Rf6	57	Rd9	Kd5	77		
18	Be5	Bde5	38	Kd3	Qd3	58	Kd2	h8	78		
19	Kre5	Qc4	39	Rd3	Kf8	59	Rh4	h2	79		
20	Qe2	Rd4	40	e4	Ke4	60	Ka3	Ra3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Tian Qibei			Azbiling			Cui					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: August 13

Group: U12 Boy
Round: 6
Board: 13

WHITE: Anstrong Galilei M. Sundiam										FED: PHI	RESULT (W): 0
BLACK: Hung I-Hsuan										FED: TPE	RESULT (B): 1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rxe2	Bb5	41			61		
2	Bf4	Nf6	22	Rb2	Bxf1	42			62		
3	c3	c5	23	Kxf2	Nc1	43			63		
4	c3	Qb6	24	Nh2	O-O	44			64		
5	Qb3	c4	25	a4	Re6	45			65		
6	Qxb6	axb6	26	a5	Rfc2	46			66		
7	Nas	Bd1	27	Bc5	Nd7	47			67		
8	Nc1	c6	28	Rh1	c5	48			68		
9	a1	Nc6	29	e4	Ke2	49			69		
10	Nf3	h6	30	Nb3	f5	50			70		
11	Be2	Be7	31	Nu1	f4	51			71		
12	O-O	g5	32	Nc2	h6	52			72		
13	Bg1	Nc4	33	axb6	Rxb4	53			73		
14	Nb4	Nas	34	Bxb6	Rxe2	54			74		
15	Bc1	Nb7	35	Kd1	Rxe2	55			75		
16	Rad1	Bxb7	36	cxf4	Re3	56			76		
17	Cxb4	Rc8	37			57			77		
18	Bxb4	c3	38			58			78		
19	bxc3	Nxc3	39			59			79		
20	Re1	Nxe2	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE):			SIGNATURE (BLACK):			SIGNATURE (ARBITER):					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 2026.8.13

Group: U12
Round: 6
Board: 12

WHITE: Sundiam, Anstrong Galilei										FED: PHI	RESULT (W): 0
BLACK: Hung, Hsuan										FED: TPE	RESULT (B): 1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rxe2	Bb5	41			61		
2	Bf4	Nf6	22	Rb2	Bxf1	42			62		
3	c3	c5	23	Kxf2	Nc1	43			63		
4	c3	Qb6	24	Ne2	O-O	44			64		
5	Qb3	c4	25	a4	Rc6	45			65		
6	Qxb6	axb6	26	a5	Rfc8	46			66		
7	Na3	Bd1	27	Bc5	Nd3	47			67		
8	Ne2	c6	28	Rh1	e5	48			68		
9	a3	Nc6	29	Ke2	e4	49			69		
10	Nf3	h6	30	Nb3	f5	50			70		
11	Be2	Be7	31	Na1	e4	51			71		
12	O-O	g5	32	Nc2	b6	52			72		
13	Bg1	Nc4	33	axb6	Rxb6	53			73		
14	Nb4	Nas	34	Bxb6	Rxe2	54			74		
15	Bc1	Nb7	35	Kd1	Rxe2	55			75		
16	Rad1	Bxb7	36	cxf4	Re3	56			76		
17	Cxb4	Rc8	37			57			77		
18	Bxb4	c3	38			58			78		
19	bxc3	Nxc3	39			59			79		
20	Re1	Nxe2	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE):			SIGNATURE (BLACK):			SIGNATURE (ARBITER):					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group B12
Round 6
Date 2026.12.6
Board 13

WHITE Le esuhvuy						FED KOR		RESULT (W)			
BLACK Jianglechuan						FED CHN		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	Nf4	Nf6	41	Qb5	Kf7	41		
2	Nc3	c5	22	Gc5	Bd7	42	Nb5	Rf3	42		
3	g3	g6	23	Gg5	Gf8	43	Nf3	Rf3	43		
4	Bg2	Bg7	24	de	Kh7	44			44		
5	e4	Nc6	25	Rd1	Nc7	45			45		
6	Nge2	d6	26	Rd7	Gd7	46			46		
7	0-0	0-0	27	Gg6	Kf8	47			47		
8	d3	ob	28	Gh5	Kg8	48			48		
9	Bc3	Rb8	29	Gg6	Rd8	49			49		
10	f4	eb	30	Qd4	Rf5	50			50		
11	K3	K5	31	Kb3	Kg8	51			51		
12	Qd2	Gc7	32	Kh1	Rf6	52			52		
13	e5	de	33	Gc5	Gf7	53			53		
14	fe	Nb5	34	Rd7	Rf8	54			54		
15	Bh6	Ned7	35	Nb3	Qh7	55			55		
16	Nd4	Nd4	36	Kg2	Kg8	56			56		
17	Be4	f5	37	Rd2	Rf7	57			57		
18	Bg7	Kf7	38	Gb5	Rd7	58			58		
19	Gb5	Gf8	39	Gb3	Gf7	59			59		
20	Gb3	fe	40	Kg3	Kf6	60			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Leesuhvuy			Jianglechuan			Chen					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group B-12
Round 6
Date 2026/12/6
Board 13

WHITE LEE SUNYUK (1668)						FED KOR		RESULT (W) 0			
BLACK 112 NOL LEEHUYUN (1661)						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	Nf4	Nf6	41	Qb5	Kh7	61		
2	Nc3	c5	22	Qc5	Bd7	42	Nb5	Rf3	62		
3	g3	g6	23	Qb5	Qe8	43	~~Nf3~~ Rxf3		63		
4	Bg2	Bg7	24	dxe4	Kh7	44			64		
5	e4	Nc6	25	Rd1	Nc7	45			65		
6	Nge2	d6	26	Rd7	Gd7	46			66		
7	0-0	0-0	27	Gg6	Kf8	47			67		
8	d3	ob	28	Gh5	Kg8	48			68		
9	Bc3	Rb8	29	Gg6	Rd8	49			69		
10	f4	eb	30	Qd4	Rf5	50			70		
11	K3	K5	31	Kb3	Kg8	51			71		
12	Qd2	Gc7	32	Kh1	Rf6	52			72		
13	e5	de	33	Gc5	Gf7	53			73		
14	fe	Nb5	34	Rd7	Rf8	54			74		
15	Bh6	Ned7	35	Nb3	Qh7	55			75		
16	Nd4	Nd4	36	Kg2	Kg8	56			76		
17	Be4	f5	37	Rd2	Rf7	57			77		
18	Bg7	Kf7	38	Gb5	Rd7	58			78		
19	Gb5	Gf8	39	Gb3	Gf7	59			79		
20	Gb3	fe	40	Kg3	Kf6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lee			Jiang Lechuan						Chen		



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

11.51
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.26

Group B12
Round 6
Board 14

WHITE Lin Ye										FED CHN	RESULT (W)
BLACK SU Yi-Ruei										FED TPE	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Be5	c5	41			61		
2	Nf3	d6	22	Re1	Qc6	42			62		
3	Bb5+	Nf6	23	Qf3	Bd7	43			63		
4	Bcb4	bc	24	Bc6	Bc6	44			64		
5	c4	e5	25	Nf3	Bf3	45			65		
6	Nc3	Nf6	26	g4	Rd7	46			66		
7	O-O	Be7	27	a3	a5	47			67		
8	d3	O-O	28	Rb1	Ra8	48			68		
9	h3	h6	29	Bg3	g6	49			69		
10	Re1	Be6	30	Re5	Rc8	50			70		
11	b3	Nh7	31	Re6	Kf7	51			71		
12	Nh2	Qe8	32	Rbe1	Rb7	52			72		
13	f4	Bh4	33	Bd6	Rc6	53			73		
14	Rf1	ef	34	f4	Nf8	54			74		
15	Bf4	Bf6	35	Rd7	Re7	55			75		
16	Rc1	Bd4	36	Be7	Neb	56			76		
17	Kh1	Rd8	37	Bh4	Rbb	57			77		
18	Ne2	f5	38	Rb1	Nf4	58			78		
19	Nd4	cd	39	Re1		59			79		
20	e5	de	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lin Ye			SU Yi-Ruei			[Signature]					

11.51
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.26

Group B12
Round 6
Board 14

WHITE Lin Ye										FED CHN	RESULT (W)
BLACK SU Yi-Ruei										FED TPE	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	BXc5	c5	41			61		
2	Nf3	d6	22	Re1	Qc6	42			62		
3	Bb5+	Nf6	23	Qf3	Bd7	43			63		
4	Bxc6	bxc6	24	Qxc6	Bxc6	44			64		
5	c4	e5	25	Nf3	Bf3	45			65		
6	Nc3	Nf6	26	Qxf3	Rd7	46			66		
7	O-O	Be7	27	g3	a5	47			67		
8	d3	O-O	28	Rb1	Ra8	48			68		
9	h3	h6	29	Bg3	g6	49			69		
10	Re1	Be6	30	Re5	Rc8	50			70		
11	b3	Nh7	31	Re6	Kf7	51			71		
12	Nh2	Qe8	32	Rae1	Rb7	52			72		
13	f4	Bh4	33	Bd6	Rc6	53			73		
14	Rf1	ef	34	f4	Nf8	54			74		
15	Bf4	Bf6	35	Rd7	Re7	55			75		
16	Rc1	Bd4	36	Be7	Neb	56			76		
17	Kh1	Rd8	37	Bh4	Rbb	57			77		
18	Ne2	f5	38	Rb1	Nf4	58			78		
19	Nd4	cd	39	Re1		59			79		
20	c5	dxc5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lin Ye			SU Yi-Ruei			[Signature]					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26

Group 812

Round 6

Board 15

WHITE						FED CHN		RESULT (W) 1/2			
BLACK						FED KOR		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bb5	c6	41	b4	Ra8	61		
2	Nf3	Nc6	22	Bc2	Nf5	42	Ka2	Rd8	62		
3	Bc4	Nf6	23	Qb4	Bh6	43	Rc2	Kc8	63		
4	d3	d6	24	Rd3	Ne3	44	Rf2	Rd8	64		
5	a3	Bc4	25	Qxh7	Kxh7	45	Rf2	Rc8	65		
6	h3	Bb5	26	Bc3	Nf5	46	Rf2	Rd8	66		
7	Qc4	Bc6	27	Bc4	Kc7	47	Rc2	Rc8	67		
8	Nh4	Bc7	28	Bxf5	Qxh5	48	Rc2	Rd8	68		
9	Bc3	Qb6	29	Nc4	Rf2	49			69		
10	~~Nc3~~	~~Nc6~~	30	Nc5	f6	50			70		
11	~~Nc3~~	~~Nc6~~	31	Rf3	Qb6	51			71		
12	~~Rf3~~	~~Qb6~~	32	R3f1	fxe5	52			72		
13	Qf3	Bf6	33	dxh5	b6	53			73		
14	O-O-O	Ne7	34	Nb3	Rc8	54			74		
15	d4	exf4	35	Rc3	Rc8	55			75		
16	exd4	Bc5	36	b4	Bc7	56			76		
17	Kb1	Rc8	37	Rc3	Bh6	57			77		
18	Rh1	Qd7	38	Rc2	Rc8	58			78		
19	e5	O-O-O	39	Rc2	Bc7	59			79		
20	Bxa6	d5	40	Rf2	Rc8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Chen, Pinru			Lim, Jihyuk			Cun					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26

Group 812

Round 6

Board 15

WHITE						FED		RESULT (W)			
Chen, Pinru						CHN		0.5			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Lim, Jihyuk						KOR		0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bb5	c6	41	b4	Ra8	61		
2	Nf3	Nc6	22	Be2	Kf5	42	Ka2	Rd8	62		
3	Bc4	Nf6	23	Qb4	Bh6	43	Rc2	Rd8	63		
4	d3	d6	24	Rd3	Ne3	44	Rf2	Rd8	64		
5	a3	Bc4	25	Qxd7	Kxd7	45	Rf2	Rd8	65		
6	h3	Bb5	26	Bc3	Nf5	46	Rf2	Rd8	66		
7	Qc4	Bc6	27	Bc4	Kc7	47	Rf2	Rd8	67		
8	Nh4	Bc7	28	Bxf5	Qxf5	48	Rf2	Rd8	68		
9	Bc3	Qb6	29	Nc4	Rc8	49			69		
10	Kc3	Nc6	30	Kc5	f6	50			70		
11	Nc6	Kc7	31	Rf3	g6	51			71		
12	fxc3	Nc6	32	R3f1	fxe5	52			72		
13	Rf3	Bc6	33	~~dxh5~~	b6	53			73		
14	O-O-O	Ne7	34	Nd3	Rc8	54			74		
15	d4	Qxd4	35	Rf3	Rg8	55			75		
16	exd4	Bc5	36	h4	Bc7	56			76		
17	Kb1	Rf8	37	Rc3	Bh6	57			77		
18	Rh1	Qd7	38	R3c2	Rg8	58			78		
19	e5	O-O-O	39	Rg2	Rg8	59			79		
20	~~Nc6~~	d5	40	Rf2	Ra8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Chen, Pinru			Lim, Jihyuk			Cun					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

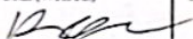
B12-6-16

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26 10

Group B12
Round 6

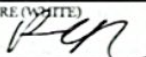
WHITE Kou Mingyu						FED				RESULT (W) 1/2	
BLACK A-thicha Kijkamsai						FED				RESULT (B) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nx3	P5	21	Qd5	d3	41			61		
2	Q3	Bx5	22	Re7	Qc3	42			62		
3	C4	e6	23	L4	Qd0	43			63		
4	Ng3	Ax6	24	Qc2	Qe7	44			64		
5	b3	Bd0	25			45			65		
6	CP	e7	26			46			66		
7	Bb2	c6	27			47			67		
8	Qd2	Qd0	28			48			68		
9	O-O	Nd7	29			49			69		
10	BED	Qc7	30			50			70		
11	N3	Des	31			51			71		
12	Bb3	Rc1	32			52			72		
13	Qb3	Re1	33			53			73		
14	Nb6	Qc2	34			54			74		
15	Nd2	Qc7	35			55			75		
16	Nx3	Nxc8	36			56			76		
17	Nd5	Qd8	37			57			77		
18	Nc3	Qd3	38			58			78		
19	Q5	Bd0	39			59			79		
20	Nd1	Qc2	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26.8.2026

Group B12
Round 6

WHITE						FED			RESULT (W)		
Kou, Mingyu						chn			1/2		
BLACK						FED			RESULT (B)		
A-thicha Kijkamsai						Tha			1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	nf3	d5	21	Bx6	Nxg6	41			61		
2	e3	Bp5	22	Qc2	Qg5	42			62		
3	c4	e3	23	a3	Re7	43			63		
4	nc3	nf6	24	Qc3	Re4	44			64		
5	b3	bd3	25	f4	Qf6	45			65		
6	Cxd5	exd5	26	Qc2	Qe7	46			66		
7	Bb2	c6	27			47			67		
8	Re2	O-O	28			48			68		
9	O-O	Nbd7	29			49			69		
10	d4	ac7	30			50			70		
11	h3	Re8	31			51			71		
12	Bd3	Bb6	32			52			72		
13	Rc1	Qd8	33			53			73		
14	Re1	Ne4	34			54			74		
15	Qc2	Ndf6	35			55			75		
16	nd2	Qc7	36			56			76		
17	dxe4	Nxe4	37			57			77		
18	Nxe3	Qd8	38			58			78		
19	nc3	Nxc4	39			59			79		
20	Qxc3	Q5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26

Group B12
Round 6

Board 17

WHITE Bai Hao chen				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Wang Ziqian				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Nf3	Qb6	41			61		
2	d4	d5	22	Qc2	12 C7	42			62		
3	cd	cd	23	Qe2	Ng3	43			63		
4	Bd3	Nc6	24	Qe3	Ne4	44			64		
5	Nf3	Bg4	25	Nd4	Re8	45			65		
6	C3	e6	26	Re2	f6	46			66		
7	Bf4	Bd6	27	Qh2	e5	47			67		
8	Bg3	Nf6	28	Nf3	Kf7	48			68		
9	Nb2	Qc7	29	C4	Rc8	49			69		
10	Qc2	Rc8	30	Rc2	Qb3	50			70		
11	a3	a6	31	Qh3	Rc4	51			71		
12	Rc1	0-0	32	Ne5	fe	52			72		
13	0-0	Bg3	33	Qb3		53			73		
14	h9	13h5	34			54			74		
15	Re1	Bg6	35			55			75		
16	Bg6	h7	36			56			76		
17	Ne5	Nd4	37			57			77		
18	Qa4	Nc6	38			58			78		
19	Nf4	Nd5	39			59			79		
20	Ne5	Ne4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Bai Hao chen				SIGNATURE (BLACK) W Z Q				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/26

Group B12
Round 6

Board 17

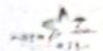
WHITE Bai Hao chen				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Wang Ziqian				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Nf3	Qb6	41			61		
2	d4	d5	22	Qc2	Rc7	42			62		
3	cd	cd	23	Qe2	Ng3	43			63		
4	Bd3	Nc6	24	Qe5	Ne4	44			64		
5	Nf3	Bg4	25	Nd4	Re7	45			65		
6	C3	e6	26	Re2	f6	46			66		
7	Bf4	Bd6	27	Qh2	e5	47			67		
8	Bg3	Nf6	28	Nf3	Kf7	48			68		
9	Nb2	Qc7	29	C4	Rc8	49			69		
10	Qc2	Rc8	30	Rc2	Qb3	50			70		
11	a3	a6	31	Qh3	Rc4	51			71		
12	Rc1	0-0	32	Ne5	fe	52			72		
13	0-0	Bg3	33	Qb3		53			73		
14	h9	B45	34			54			74		
15	Re1	Bg6	35			55			75		
16	Bg6	h7	36			56			76		
17	Ne5	Nd4	37			57			77		
18	Qa4	Nc6	38			58			78		
19	Nf4	Nd5	39			59			79		
20	Ne5	Ne4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Bai Hao chen				SIGNATURE (BLACK) W Z Q				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

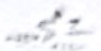


Date 8-26-26

Group B12
Round 6
Board 18

WHITE So, Coiser Charleton												FED PHI	RESULT (W)
BLACK Wong, Shun Lam												FED HKG	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	d5	21	bxc4	bxc4	41	Ke2	fxg4	61	Qf5	Kg7		
2	Bf4	Nc6	22	eu	Rd8	42	hxg4	a5	62	Qe6	Kf8		
3	e3	Bf5	23	Rc3	Rd4	43	a4	Kd5	63	Qd7	Kg8		
4	c4	e6	24	Ke3	Rcd7	44	Bb6	Ke6	64	Kf5	Kh8		
5	Nf3	Nf6	25	Rd1	d2	45	Bxa5	Kf6	65	Kg6	Kg8		
6	h3	Bd6	26	Ke2	Rxe4	46	Ke3	Kg6	66	Qg7			
7	Ne5	Nxe5	27	Be3	f5	47	Kxe4	h5	67				
8	dxex5	Bb4+	28	exf6	gxf6	48	gxh5	Kxh5	68				
9	Nd2	Ne4	29	Rxd2	f5	49	Be1	Kg4	69				
10	Qa4	Qd7	30	Rxd7	Kxd7	50	a5	Kh3	70				
11	Qxb4	O-O-O	31	f3	Re5	51	a6	Kg2	71				
12	Be2	c5	32	Rxc4	Ra5	52	Bf2	Kxf2	72				
13	Qb5	Nxd2	33	Rc2	Kd6	53	f5	Kg3	73				
14	Qxd7	Rxd7	34	Rd2	Kc6	54	f6	Kh4	74				
15	Kxd2	dxex4	35	Kf2	a6	55	f7	Kg5	75				
16	Ke1	Bd3	36	Kg3	e5	56	a7	Kf6	76				
17	Bxd3	cxex3	37	f4	e4	57	ab=queen	Kxf7	77				
18	Kd2	Rc4	38	Kf2	Rd5	58	Qd8	Ke6	78				
19	Rac1	b5	39	Rxd5	Kxd5	59	Qd5	Kf6	79				
20	b3	Rc7	40	g4	Ke6	60	Qe5	Kg6	80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/26

Group B12
Round 6
Board 18

WHITE So, Coiser Charleton												FED PHI	RESULT (W)
BLACK Wong, Shun Lam												FED HKG	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	d5	21	bc	bc	41	Ke2	ag	61	Qf5	Kg7		
2	Bf4	Nc6	22	a4	Rd8	42	hg	a5	62	Qe6	Kf8		
3	a3	Bf5	23	rc3	Rd4	43	ah	Kd5	63	Qd7	Kg8		
4	c4	e6	24	Ke3	Rd7	44	Bb6	Ke6	64	Kf5	Kh8		
5	Nf3	Nf6	25	Rd1	d2	45	Bxa5	Kf6	65	Kg6	Kg8		
6	h3	Bd6	26	Ke2	Re4	46	Ke3	Kg6	66	Qg7			
7	Ne5	Ne5	27	Be3	f5	47	Ke4	h5	67				
8	da	Bb4	28	af	gf	48	ah	Kh5	68				
9	Nd2	Ne4	29	Rd2	f5	49	Be1	Kg4	69				
10	Qa4	Qd7	30	Rd7	Kd7	50	a5	Kh3	70				
11	Qb4	O-O-O	31	f3	Re5	51	a6	Kg2	71				
12	Be2	c5	32	Rc4	Ra5	52	Bf2	Kxf2	72				
13	Qb5	Nxd2	33	Rc2	Kd6	53	f5	Kg3	73				
14	Qd7	Rd7	34	Rd2	Kc6	54	f6	Kh4	74				
15	Kd2	dc	35	Kf2	a6	55	f7	Kg5	75				
16	Ke1	Bd3	36	Kg3	e5	56	a7	Kf6	76				
17	Bd3	cd	37	f4	e4	57	ab=Q	Kxf7	77				
18	Kd2	c4	38	Kf2	Rd5	58	Qd8	Ke6	78				
19	Rac1	b5	39	Rd5	Kd5	59	Qd5	Kf6	79				
20	b3	Rc7	40	g4	Ke6	60	Qe5	Kg6	80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App